



# Bản về lãi suất cơ bản của Việt Nam

TS. TRỊNH QUỐC TRUNG

## Giới thiệu:

Việt Nam đã bắt đầu theo đuổi tự do hóa tài chính và thương mại từ những năm đầu thập niên 1990 của thế kỷ trước khi chính phủ bắt đầu hướng theo vận hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường. Quan điểm của chính sách tự do hóa là cần trọng và từng bước một. Tự do hóa thương mại được tiến hành trước tự do hóa tài chính bắt đầu phổ biến đối với các nước đang phát triển như Việt Nam kể từ thập niên 1990.

Tự do hóa ở trong nước và nước ngoài đã giúp cho người vay vốn có thể tìm được các nguồn vốn cần thiết. Các doanh nghiệp cỡ vừa và nhỏ có nhiều cơ hội để vay vốn hơn khi có tự do hóa tài chính và các định chế tài chính lại sẽ đánh giá thấp hơn nguy cơ rủi ro của các khoản cho vay đối với các tổ chức này.

Trong phạm vi của bài viết, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu về vấn đề kiểm soát lãi suất cho vay trong nền kinh tế của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam thông qua cơ chế lãi suất cơ bản (LSCB). Thông qua đó để tìm ra những yếu tố phù hợp và chưa phù hợp nhằm hoàn thiện hơn quá trình tự do hóa lãi suất tại Việt Nam.

## Cơ sở pháp lý đối với việc kiểm soát lãi suất tại Việt Nam

1. Theo quy định tại khoản 12, Điều 9 của Luật NHNN 1997, “LSCB là lãi suất do NHNN công bố làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng (TCTD) ấn định lãi suất kinh doanh”.

2. Theo quy định tại khoản 1, Điều 163 của Bộ Luật Hình sự 1999 (có hiệu lực ngày 01/07/2000) về “Tội cho vay lãi nặng” có quy định “Người nào cho vay với mức lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật qui định từ mười lần trở lên có tính chất chuyên bóc lột, thì bị phạt tiền từ một lần đến mười lần số tiền lãi hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến một năm.”

3. Theo quy định tại khoản 1, Điều 473 của Bộ Luật Dân sự 1995 (có hiệu lực ngày 01/07/1996), “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 50% của lãi suất cao nhất do NHNN qui định đối với loại cho vay tương ứng”

4. Theo quy định tại khoản 1, Điều 476 của Bộ Luật Dân sự 2005 (có hiệu lực ngày 01/01/2006), lãi suất cho vay của các NHTM được qui định như sau: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của LSCB do NHNN công bố đối với loại cho vay tương ứng”.

Điều này có nghĩa là đã tồn tại sự mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật liên quan đến lãi suất cho vay của các ngân hàng hoạt động tại Việt Nam vì:

- Bộ Luật Dân sự 2005 qui định các ngân hàng không được cho vay với lãi suất vượt quá 150% LSCB do NHNN công bố;

- Bộ Luật Hình sự 1999 qui định các ngân hàng được quyền cho vay với lãi suất gấp 10 lần LSCB do NHNN công bố;

## Lãi suất cơ bản tại Việt Nam kể từ năm 2000 đến nay

### Sự kiện:

Dưới đây là một số thời điểm NHNN Việt Nam có những thay đổi lớn liên quan đến qui định về lãi suất cho vay của các NHTM Việt Nam như sau:

1- Theo quyết định số 383/1999/QĐ-NHNN1 ngày 22/10/1999 về việc điều chỉnh trần lãi suất cho vay bằng Đồng Việt Nam của TCTD đối với khách hàng có qui định:

- Hạ trần lãi suất cho vay thông thường đối với khách hàng ở khu vực thành thị từ 1.05%/ tháng xuống 0.85%/ tháng;

- Hạ trần lãi suất cho vay thông thường của TCTD đối với khách hàng ở khu vực nông thôn từ 1.05%/ tháng xuống 1%/ tháng.



2- Theo quyết định số 241/2000/QĐ-NHNN1 ngày 02/08/2000 và có hiệu lực từ ngày 05/08/2000 về việc thay đổi cơ chế điều hành lãi suất cho vay của TCTD đối với khách hàng có qui định đối với lãi suất cho vay bằng Đồng Việt Nam như sau:

- “TCTD ấn định lãi suất cho vay đối với khách hàng trên cơ sở LSCB do NHNN công bố theo nguyên tắc lãi suất cho vay không vượt quá mức LSCB và biên độ do Thống đốc NHNN qui định từng thời kỳ”;

3- Theo quyết định số 242/2000/QĐ-NHNN1 ngày 02/08/2000 và có hiệu lực từ ngày 05/08/2000 có qui định rằng:

- LSCB là 0.75%/ tháng;

- Các ngân hàng có thể cho vay với lãi suất thả nổi hoặc cố định nhưng không tăng quá 0.3%/ tháng đối với các khoản vay ngắn hạn và 0.5%/ tháng đối với các khoản cho vay trung và dài hạn (kể cả phí liên quan đến khoản vay)

4- Theo quyết định số 546/2002/QĐ-NHNN ngày 30/05/2002 và có hiệu lực từ ngày 01/06/2002 có qui định về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại bằng Đồng Việt Nam của TCTD đối với khách hàng như sau:

- “. . . TCTD xác định lãi suất cho vay bằng Đồng Việt Nam trên cơ sở cung cầu vốn thị trường và mức độ tín nhiệm đối với khách hàng. . . “

- “NHNN Việt Nam tiếp tục công bố LSCB trên cơ sở tham khảo mức lãi suất cho vay thương mại đối với khách hàng tốt nhất của nhóm các TCTD được lựa chọn . . . để làm tham khảo và định hướng lãi suất thị trường . . .”

5- Theo quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/05/2008 và có hiệu lực từ ngày 19/05/2008 về cơ chế điều hành LSCB bằng đồng Việt Nam có qui định lãi suất kinh doanh của các NHTM Việt Nam như sau:

- “Các TCTD ấn định lãi suất kinh doanh (lãi suất huy động, lãi suất cho vay) bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng không vượt quá 150% của LSCB do NHNN Việt Nam công bố . . .”

### Nhận xét:

- Kể từ ngày 04/08/2000 trở về trước, lãi suất cho vay của các TCTD Việt Nam được khống chế bằng trần lãi suất cho vay do NHNN Việt Nam qui định;

- Kể từ ngày 05/08/2000 trở đi, lãi suất cho vay của các TCTD được giới hạn bởi LSCB và biên độ do NHNN Việt Nam qui định;

- Kể từ ngày 01/06/2002 trở đi, lãi suất cho vay của các TCTD được thực hiện theo cơ chế thỏa thuận giữa các bên căn cứ vào cung cầu và mức độ tín nhiệm của khách hàng;

- Kể từ ngày 19/05/2008 trở đi, lãi suất cho vay của các TCTD đối với đồng Việt Nam không được

vượt quá 150% LSCB do NHNN Việt Nam công bố.

### Bình luận:

1. Giai đoạn trước ngày 04/08/2000, lãi suất cho vay của các TCTD không thỏa mãn qui định của Bộ Luật Hình sự 1999 và Bộ Luật Dân sự 1995.

2. Giai đoạn từ 05/08/2000 đến 31/05/2002, lãi suất cho vay của các TCTD có thể xem như thỏa mãn qui định của Bộ Luật Dân sự 1995 nhưng không thỏa mãn qui định của Bộ Luật Hình sự 1999.

3. Giai đoạn từ 01/06/2002 trở đi đến 31/12/2005, lãi suất cho vay của các TCTD có thể xem như thỏa mãn qui định của Bộ Luật Hình sự 1999 nhưng không thỏa mãn qui định của Bộ Luật Dân sự 1995.

4. Giai đoạn từ 01/01/2006 đến 18/05/2008, lãi suất cho vay của các TCTD thỏa mãn qui định của Bộ Luật Hình sự 1999 nhưng không thỏa mãn qui định của Bộ Luật Dân sự 2005.

5. Từ ngày 19/05/2008 đến 12/2008, lãi suất cho vay của các TCTD thỏa mãn được qui định của Bộ Luật Dân sự 2005 nhưng không thỏa mãn qui định của Bộ Luật Hình sự 1999.

Như vậy, có thể thấy chưa bao giờ có sự thống nhất đồng thời giữa việc điều hành lãi suất của NHNN với các qui định trong Bộ Luật Dân sự và với các qui định trong Bộ Luật Hình sự có liên quan đến lãi suất cho vay giữa các TCTD và khách hàng.

### Quan điểm trao đổi:

Để có thể hiểu thêm về LSCB và cách thức sử dụng LSCB trên thế giới nhằm ứng dụng phù hợp với tình hình của Việt Nam, chúng ta nên xem lại thời điểm xuất hiện và phát triển của thuật ngữ này như sau:

### Sự hình thành và phát triển:

Khái niệm LSCB xuất hiện khoảng 70 năm trước đây, những ngân hàng lớn trên thế giới đã thiết lập một phương pháp xác định lãi suất cho vay với tên gọi – LSCB (base rate) – là mức lãi suất ngân hàng cho vay ngắn hạn các khách hàng có uy tín tín dụng tốt nhất hoặc là những khách hàng mà ngân hàng hầu như tin tưởng tuyệt đối rằng các khoản vay cấp cho họ sẽ gần như an toàn tuyệt đối.

Theo định nghĩa của từ điển Bách khoa Tài chính – ngân hàng của Charles J. Woelfel năm 1994. LSCB (prime rate) là lãi suất đầu tư với mức rủi ro gần như bằng không. Theo đó lãi suất của Trái Phiếu chính phủ được xem là LSCB.

Trong đó đã bao gồm mức lợi nhuận mong muốn của ngân hàng và kể cả chi phí hoạt động và quản lý của ngân hàng.

Tuy nhiên, vào những năm 1970 trở đi thì ưu thế của LSCB để cho vay bị cạnh tranh bởi lãi suất LIBOR<sup>1</sup> là lãi suất tiền gửi ngắn hạn của Dola-Châu

1 LIBOR: lãi suất đi vay - cho vay giữa các ngân hàng và TCTD tại Luân Đôn  
2 Đô la châu Âu là tiền gửi USD tại các ngân hàng ngoài Mỹ mà phần lớn ở châu Âu và thường được sử dụng để thanh toán giao dịch quốc tế.



Âu<sup>2</sup> với kỳ hạn biến đổi từ vài ngày đến vài tháng. Và do lượng vốn cho vay có nguồn gốc từ đô-la-Châu Âu ngày càng lớn nên các ngân hàng dần dần đã chuyển sang sử dụng lãi suất LIBOR như là cơ sở để tính lãi vay cho khách hàng. Ngoài ra, hiện nay do sự quốc tế hóa của hệ thống ngân hàng nên người ta có thể sử dụng thêm lãi suất SIBOR (lãi suất cho vay liên ngân hàng tại Singapore) cũng như LIBOR là lãi suất tham chiếu cho các ngân hàng trên thế giới làm cơ sở để xác định lãi suất cho vay với từng khách hàng cụ thể.

Như vậy nếu so sánh khái niệm về LSCB qui định trong Luật NHNN với thông lệ quốc tế, theo chúng tôi nên có sự phân biệt rõ giữa LSCB do nhà nước công bố và LSCB của từng NHTM.

Để thuận tiện trong quá trình vận dụng LSCB theo chúng tôi nên sử dụng một số thuật ngữ sau:

- LSCB - là lãi suất do NHNN công bố làm cơ sở cho các TCTD ấn định lãi suất kinh doanh (theo đúng tinh thần của Luật Ngân hàng)
- Lãi suất cơ sở (LSCS) là LSCB của từng NHTM áp dụng đối với những khách hàng và dự án cho vay, đầu tư không có rủi ro hoặc rủi ro xem như bằng không.

#### LSCB do NHNN Việt Nam công bố

Theo quan điểm của chúng tôi, LSCB được qui định trong Luật NHNN là lãi suất do nhà nước công bố nhằm can thiệp vào cung - cầu tiền tệ trên thị trường; nhằm tác động một cách gián tiếp đến hoạt động huy động và cho vay của các NHTM thông qua việc tăng hoặc giảm phí tổn và hiệu quả sử dụng vốn của các NHTM.

Theo chúng tôi, NHNN Việt Nam có thể xác định LSCB dựa trên một số căn cứ sau:

- Tình hình thực hiện chính sách tài chính - tiền tệ của quốc gia trong từng thời điểm
- Mức lạm phát trong nền kinh tế
- Nhu cầu của chính phủ trong việc tìm kiếm các nguồn vốn để thực hiện các chương trình đầu tư, phát triển cũng như bù đắp thiếu hụt tạm thời trong chi tiêu của chính phủ.
- Lãi suất cho vay giữa các ngân hàng trên thị trường liên ngân hàng.

Trên thực tế, NHNN Việt Nam có thể sử dụng lãi suất cho vay của một số NHTM được chọn lọc, hoạt động mang tính thị trường dành cho những khách hàng tốt nhất (có rủi ro gần như bằng không) để tính toán mức LSCB. Ngoài ra, NHNN Việt Nam cũng có thể sử dụng 2 loại lãi suất sau để làm LSCB của quốc gia là:

1. Lãi suất huy động vốn cho Chính phủ Việt Nam. Thông qua việc công bố lãi suất huy động của Trái phiếu hoặc Tín phiếu Kho bạc Nhà nước, các NHTM sẽ nhận được tín hiệu từ phía nhà nước về mức lãi suất cho vay tối thiểu có thể đạt được với

mức rủi ro bằng không (hoặc tương đương). Nếu nhà nước muốn thu hẹp lượng cung tiền của các NHTM ra nền kinh tế thì sẽ tăng mức lãi suất huy động và ngược lại.

2. Lãi suất cho vay đối với các NHTM là lãi suất chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn nhằm tác động đến đầu vào của các NHTM.

#### Lãi suất cơ sở của các NHTM

LSCS của NHTM là lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng không có rủi ro và các NHTM xác định lãi suất cơ sở của mình dựa trên LSCB do NHNN công bố sau khi tính toán đến các yếu tố như chính sách tài chính - tiền tệ của chính phủ, chỉ số lạm phát, lãi suất cho vay giữa các tổ chức tham gia trên thị trường liên ngân hàng, các qui định về dự trữ bắt buộc, dự phòng rủi ro v.v.v

Ta có công thức tính LSCS của các NHTM như sau:

$LSCS = \text{Lãi suất huy động} + \text{chi phí kinh doanh (như tiền lương nhân viên, v.v.v)} + \text{lợi nhuận trước thuế kỳ vọng}$

Với các số liệu dự tính:

- Lãi suất huy động 12 tháng là 10.0%/năm;
- Chi phí kinh doanh là 3.1% /năm
- Lợi nhuận kỳ vọng là 2.2%/ năm

Từ đó ta có LSCS của các NHTM Việt Nam hiện nay sẽ là

$$LSCS = 10.0\% + 3.1\% + 2.2\% = 15.3\%/năm$$

Theo nguyên tắc kinh doanh phải có lãi các NHTM cần ấn định lãi suất cho vay với lãi suất cao hơn LSCS nhằm bù đắp những rủi ro xảy ra trong quá trình cho vay và đầu tư. Tuy nhiên, với mức trần lãi suất cho vay hiện nay là 15.0%/năm sẽ làm cho các NHTM khó lòng đạt được kết quả kinh doanh như kỳ vọng thậm chí chỉ đạt mức hòa vốn hoặc bị lỗ nếu không có các nguồn thu từ các hoạt động khác mang lại. Mặt khác, trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn như hiện nay, chắc chắn rằng không chỉ tỉ lệ dự phòng rủi ro phải tăng mà còn phải xem xét tính đến hệ số bảo toàn vốn của chính các ngân hàng trong điều kiện lạm phát tại Việt Nam đã đến 2 con số nên lãi suất cơ sở của các NHTM chắc chắn không chỉ dừng lại ở mức 15.1% như minh họa ở trên.

Ngoài ra, theo chúng tôi, lãi suất cho vay của các ngân hàng còn phải cao hơn mức trần lãi suất hiện hành do các yếu tố tác động dưới đây:

- Tỷ suất lợi nhuận bình quân;
- Tỷ trọng thu nhập từ lãi trong tổng thu nhập;
- Cơ cấu nguồn vốn xét về kỳ hạn;
- Cơ cấu nguồn vốn xét về loại tiền;
- Cấu trúc lãi suất của vốn huy động;



- Tỉ trọng giữa vốn huy động và dư nợ cho vay và đầu tư;
- Sự can thiệp của chính phủ qua các công cụ như mức dự trữ bắt buộc.

Tuy nhiên, với xu thế hiện nay, để ngăn chặn suy giảm kinh tế NHNN Việt Nam sẽ còn tiếp tục giảm LSCB nhằm thực hiện chính sách tiền tệ “nới lỏng” nhằm thúc đẩy tổng cầu trong nền kinh tế.

Kiến nghị:

Nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến lãi suất cho vay của các TCTD hoạt động tại Việt Nam và sử dụng LSCB như một công cụ thực thi chính sách tiền tệ quốc gia cũng như thỏa mãn được các yêu cầu của tự do hóa và hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam đã cam kết, chúng tôi có một số kiến nghị sau:

1. NHNN có thể vẫn giữ nguyên nội hàm của “LSCB” trong Luật NHNN là “cơ sở cho các TCTD ấn định lãi suất kinh doanh” dưới góc độ của một công cụ của chính sách tiền tệ quốc gia nhằm cung cấp “chỉ báo” cho các NHTM về mức độ “thắt chặt” hay “nới lỏng” tiền tệ của quốc gia. Điều này có nghĩa là NHNN phải thực sự có thể “cấp tín dụng” cho các NHTM với mức “lãi suất” đã công bố hoặc trả cho các NHTM đối với các khoản “vay mượn” từ họ, tránh tình trạng trước đây là NHNN ban hành LSCB nhưng không hề có bất kỳ ảnh hưởng nào đến hoạt động của các ngân hàng và các TCTD khác.

2. Các tổ chức cung cấp tín dụng trong nền kinh

tế có thể sử dụng LSCB do NHNN làm cơ sở tham chiếu để đưa ra các mức lãi suất áp dụng cho từng loại khách hàng khác nhau căn cứ vào (1) cấu trúc nguồn vốn/ tài sản; (2) cấu trúc chi phí; (3) mức độ rủi ro và (4) lợi nhuận kỳ vọng của mỗi ngân hàng.

3. NHNN nên kiến nghị Quốc hội chỉnh sửa khoản 1, Điều 476 của Bộ Luật Dân sự 2005, từ “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của LSCB do NHNN công bố đối với loại cho vay tương ứng” thành “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 10 lần mức LSCB do NHNN công bố theo từng thời điểm” và chỉnh sửa khoản 1, Điều 163 của Bộ Luật Hình sự 1999 từ “. . . lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định từ mười lần trở lên. . .” thành “. . . lãi suất cao hơn LSCB do NHNN Việt Nam quy định trong từng thời kỳ. . .”

### Tài liệu tham khảo:

- Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa kỳ;
- Hiệp định gia nhập WTO của Việt Nam;
- Bộ Luật Dân sự 1995;
- Bộ Luật Dân sự 2005;
- Bộ Luật Hình sự 1999;
- Luật NHNN 1997;
- Một số tài liệu khác

# Duy trì thế cạnh tranh của ngân hàng

LƯU TRỌNG TUẤN \*

## Dẫn nhập

Các ngân hàng đang đối mặt muôn vàn thử thách để giữ lợi nhuận ổn định. Lãi suất thấp đang đè nén lợi nhuận và buộc các ngân hàng phải cải thiện khả năng quản lý hiệu quả hoạt động của mình (performance management).

Để ứng phó với những thách thức này, các ngân hàng có thể áp dụng khung quản lý giá trị kinh tế (economic value management (EVM) framework). Khung EVM giúp các ngân hàng lượng hóa (quantify) các phương diện (dimension) trong hoạt động của họ, như đơn vị kinh doanh (business unit), sản phẩm hay khách hàng.

Các ngân hàng tách riêng các chi phí và các khoản lỗ trong tầm dự kiến để xác định lợi nhuận thương mại ròng (net commercial margin) ở tất cả các cấp độ. Hơn nữa, các ngân hàng xác định lượng vốn cần để bù cho những khoản lỗ ngoài dự kiến (unexpected loss).

\* Chuyên viên Viện Marketing & Quản trị Việt Nam

